TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG

Bản án số: 03/2017/HNGĐ-ST
Ngày 22/9/2017
" Về việc ly hôn, tranh chấp về con chung"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ – TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
+Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Cao Danh Nhân
+ Các Hội thẩm nhân dân :
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Bùi Thanh Hưởng.
2. Ông: Phạm Văn Thích
+ Thư ký ghi biên bản phiên toà: ông Hoàng Văn Thuyên – Thư ký Toà án.
+ Đại diện VKSND huyện Hoàng Su Phì: Bà Nguyễn Thị My Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2017/ TLST - HNGĐ ngày 26/5/2017, về việc: Ly hôn, tranh chấp về con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/ QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Sùng Thị P. Sinh năm 1990;
Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã T huyện H, tỉnh Hà Giang.
Chổ ở hiện nay: Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang. Có mặt
Bị đơn: anh Vương Văn T; sinh năm 1993.
NơiĐKHKTT và chổ ở hiện nay: Thôn Có, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Sùng Thị P trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Vương Văn T lấy nhau vào năm 2012, được hai gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H vào ngày 14/8/2013, khi lấy nhau có sự tự nguyện. Sau khi cưới chị về làm dâu nhà anh T vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi sinh con thì anh T không quan tâm chăm sóc, thường xuyên vắng nhà đi làm thuê nhưng không có tiền mang về cho vợ con, ngược lại còn nợ nần, chơi bời, không tu chí làm ăn. Khi mâu thuẫn xảy ra có chửi bới đánh đập chị, xúc phạm đến mẹ đẻ anh, chị có khuyên bảo nhưng không thay đổi. Khi vợ chồng đi làm thuê anh T còn cờ bạc, sự việc xảy ra hai gia đình và chính quyền thôn đã hoà giải nhưng anh không thay đổi được cách sống, từ 2016 đến nay

vợ chồng đã không ở cùng nhau. Hiện tại thấy vợ chồng không còn tình cảm, đã có thời gian dài sống ly thân, do đó chị đề nghị được ly hôn.

Về con chung, vợ chồng có 1 con chung là Vương Tiến H; SN: 28/7/2013 khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Nếu anh T cương quyết đề nghị nuôi con thì chị cũng nhất trí

Về tài sản chung, công nợ chung không có không đề nghị giải quyết.

Về tiền lễ cưới hiện nay anh T đề nghị chị phải hoàn trả gia đình anh 10 triệu đồng là giá trị lễ vật gồm rượu, thịt và ít tiền để mua đồ dung sinh hoạt. Số tiền này chị không nhất trí bởi vì đã sử dụng vào việc liên hoan khi tổ chức lễ ăn hỏi, đám cưới. Về tiền mặt chị đã mua một số đồ dung sinh hoạt như hòm, chiếu, chăn màn vv… đã mang sang nhà chồng sử dụng chung, khi bỏ về chị không mang theo. Về công sức lao động trong thời gian 3 năm ở gia đình nhà chông chị không đề nghị được hưởng, hơn nữa đây không phải là tiền vay nợ mà là sự tự nguyện tặng cho nên chị và gia đình không có trách nhiệm trả lại, đề nghị toà án xem xét.

Trong quá trình giải quyết bị đơn là anh Vương Văn T đã trình bày các vấn đề như sau:

Anh và chị Sùng Thị P lấy nhau từ năm 2012 và đến ngày 14/8/2013 vợ chồng đề nghị UBND xã T đăng ký kết hôn theo qui định. Trong quá trình chung sống đến tháng 7/2013 lúc đó khi sinh con thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có sự bàn bạc thống nhất, khi anh đi làm thuê vắng nhà thì vào tháng 8/2014 chị cũng bỏ đi làm thuê, không ai bàn với ai, anh có đi tìm nhiều lần nhưng chị không về. Nói chung vợ chồng vẫn bất đồng về mọi mặt, có cãi chửi nhau. Trước khi lấy chị anh có chơi bời, cờ bạc nhưng sau khi lấy nhau anh đã thay đổi không còn như vậy nữa, khi trình bày tại toà án chị cho rằng anh đánh đập, chời bời, cờ bạc là không đúng. Vào năm 2016 vợ chồng có cùng đi làm thuê ở Hàm Yên, Tuyên Quang được 1 tháng anh bỏ về Bắc Quang, Hà Giang làm thuê, trong thời gian này chị P cũng không đưa tiền cho anh, còn thu nhập của anh đã phải trả nợ cũ, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Trong quá trình hoà giải tại toà án anh mong muốn được đoàn tụ nhưng chị P không nhất trí vì vậy anh cũng đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện chị P phải hoàn trả cho anh và gia đình trị giá đồ vật lễ cưới là 10 triệu đồng.

Về con chung: vợ chồng có một con anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Vương Tiến H; SN: 28/7/2013 không yêu cầu chị P cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp anh không đề nghị giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay Hội đồng xét xử tiền hành hoà giải nhưng không thành, chị P vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn và không nhất trí trả cho anh T và gia đình 10 triệu đồng giá trị đồ lễ cưới, về con chung anh T đề nghị được nuôi cháu chị cũng nhất trí. Đối với anh T chỉ nhất trí ly hôn khi chị P trả lại cho anh và gia đình 10 triệu đồng tiền lễ cưới, đồng thời anh đề nghị nuôi con vì anh đang trực tiếp nuôi cháu. Do không thống nhất được các đương sự đề nghị giải quyết theo qui định.

Tại phiên toà: Đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng

kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án là đúng pháp luật, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng điều 56 - Luật hôn nhân & gia đình xử cho chị P được ly hôn với anh T, về con chung công nhận thoả thuận anh T là người trực tiếp nuôi con, chị P không phải cấp dưỡng; về yêu cầu đòi lại tiền lễ cưới của bị đơn đối với nguyên đơn không có cở sở xem xét; về án phí nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án

Căn cứ kết quả được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị P và anh Vương Văn T khi lấy nhau thành vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2012, sau đó có được UBND xã T, huyện H đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2015 theo qui định. Khi về làm dâu gia đình anh T đến tháng 7/2013 thì xảy ra mâu thuẫn về mọi mặt, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không có, mọi công việc chung của gia đình không có sự bàn bạc, thống nhất để có sự gắn kết để chung sức xây dựng gia đình, khi mâu thuẫn xảy ra anh T còn chửi bới. xúc phạm dẫn đến năm 2016 vợ chồng không ở cùng nhau, mặc dù anh T đã nhận ra và hứa sửa chữa để đoàn tụ nhưng đến thời điểm này mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự căng thẳng, sau 5 năm thành vợ chồng thì đã có quá nửa thời gian có mâu thuẫn và vài năm năm sống ly thân. Thấy rằng mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, do vậy Hội đồng xét xử cần giải quyết cho chị Sùng Thị P được ly hôn anh Vương Văn T là phù hợp với qui định của pháp luật.

[2] Về con chung chị P nhất trí cho anh T nuôi dưỡng cháu Vương Tiến H; SN: 28/7/2013 cần công nhận.

[3]. Về yêu cầu đòi tiền lễ cưới: Trong giai đoạn giải quyết có lúc anh đề nghị bố mẹ gia đình hai bên phải trả cho nhau tiền lễ cưới trị giá 10 triệu đồng, có lúc anh đề nghị chị P hoàn trả lại tiền lễ cưới cho anh và gia đình, thấy đây là sự tự nguyên tặng cho nhau về tài sản khi tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, hơn nữa trong quá trình giải quyết anh không xác định ai là người có yêu cầu độc lập để giải quyết trong vụ án, do đó toà án không có cơ sở tiến hành các thủ tục tố tụng theo qui định. Tại phiên toà anh có quan điểm chỉ đồng ý ly hôn khi chị P phải trả cho anh và gia đình 10 triệu đồng tiền lễ cưới, thấy rằng yêu cầu của anh không phải là căn cứ, điều kiện khi ly hôn, do đó không có căn cứ để xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH.

Áp dụng điều 56, điều 81,82,83. 84- Luật hôn nhân & Gia đình năm 2014

Áp dụng khoản 4 điều 147- Bộ luật tố tụng dân sự, điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Sùng Thị P và anh Vương Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Vương Tiến H; SN: 28/7/2013 cho anh Vương Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị Sùng Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị P được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con, không ai được cản trở, vì quyền lợi của con chung, một hoặc các bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Sùng Thị P phải chịu 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì ngày 26/5/2017 (BL số 02244).

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, Toà báo nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Cao Danh Nhân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS HSP;
- UBND xã Tân Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu HS-BP